

Thái Nguyên, ngày tháng 9 năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

I. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Xã hội học ĐC
- Tên tiếng Anh: General Sociology
- Mã học phần: GSO121
- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
Môn học tiên quyết:
Môn học trước:
- *Bộ môn:* Tiếng Việt – Xã hội học
- *Khoa:* KHCB
- Phân bố thời gian:
- Học kỳ: 1,2
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Cơ bản]		Cơ sở ngành □		Chuyên ngành □	
Bắt buộc]	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh □ Tiếng Việt]

II. Thông tin về giảng viên:

1. Họ và tên: Lèng Thị Lan
 - Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sỹ
 - Thời gian, địa điểm làm việc: VPK Khoa KHCB
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tiếng Việt – Xã hội học, Khoa KHCB
 - Điện thoại: 09891421696; Email: lengthilan@tuaf.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính: Văn hóa/văn học dân tộc
2. Họ và tên: Dương Thùy Trang
 - Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
 - Thời gian, địa điểm làm việc: VPK Khoa KHCB
 - Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tiếng Việt – Xã hội học, Khoa KHCB
 - Điện thoại: 0979; Email: duongthuytrang@tuaf.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính:

3. Họ và tên: Nguyễn Đỗ Hương Giang

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: VPK Khoa KHCB
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tiếng Việt – Xã hội học, Khoa KHCB
- Điện thoại: 0979 87 19 10; Email: nguyendohuonggiang@tuaf.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: xã hội học nông thôn, xã hội học về giới, phát triển nông thôn, biến đổi khí hậu...

4. Họ và tên: Cao Đức Minh

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: VPK Khoa KHCB
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tiếng Việt – Xã hội học, Khoa KHCB
- Điện thoại: 0973 515 276; 0948 90 11 02; Email: caoducminh@tuaf.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học văn hóa, xã hội học nông thôn, xã hội học đô thị...

III. Mô tả học phần:

Môn học Xã hội học Đại cương là môn học bắt buộc nhằm trang bị cho sinh viên ngành Khoa học môi trường một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học; các khái niệm cơ bản xã hội học. Trên cơ sở của các khái niệm cơ bản, sinh viên có thể hiểu được mối quan hệ giữa các cá nhân, nhóm và xã hội; vị trí vai trò của các cá nhân, các nhóm xã hội, các thiết chế, các tổ chức xã hội, các tầng lớp và các giai cấp xã hội trong một xã hội. Trên cơ sở những tri thức đó, giáo dục cho sinh viên đạo đức nghề nghiệp xã hội học trong công cuộc xây dựng đất nước ta hiện nay.

IV. Mục tiêu và chuẩn đầu ra

1. Mục tiêu:

- Sinh viên cần hiểu về đối tượng nghiên cứu, sự ra đời và phát triển của xã hội học
- Sinh viên biết được hệ thống các khái niệm, phạm trù và các quy luật trong xã hội học từ đó vận dụng vào thực tiễn nhằm đánh giá thực tiễn cũng như tìm ra các quy luật riêng của xã hội học.
- Tiếp cận và nghiên cứu một số lĩnh vực nghiên cứu chuyên ngành của xã hội học như nông thôn, đô thị, gia đình...
- Sinh viên học được cách phân tích các sự kiện xã hội

- Kỹ năng phân tích hành động xã hội, tương tác xã hội
- Kỹ năng phân tích mối quan hệ giữa cơ cấu xã hội và chức năng xã hội.

2. Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
GSO1 21	Xã hội học ĐC	b	-	-	-	-	-	-	-	-	-	b	-	-	-	-	a	b

Ghi chú:

- a: mức đáp ứng cao
- b: mức đáp ứng trung bình
- c: mức đáp ứng thấp
- không đáp ứng

Chuẩn đầu ra của học phần (theo thang đo năng lực của Bloom):

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của học phần	CDR của CTĐT
	Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	
	Kiến thức	
K 1	Hiểu và vận dụng được những kiến thức khác về lý luận chính trị và khoa học xã hội để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, đồng thời hỗ trợ cho thực tiễn sản xuất kinh doanh nông nghiệp.	1a
K 2	Hiểu rõ các khái niệm về xã hội, xã hội học, quan hệ xã hội, tương tác xã hội, văn hóa, bất bình đẳng xã hội, phân tầng xã hội, quá trình xây dựng nông thôn mới hiện nay gắn với thực tế xã hội và vận dụng vào trong cuộc sống.	1a
K 3	Tiếp cận và nghiên cứu một số lĩnh vực nghiên cứu chuyên ngành của xã hội học như nông thôn, đô thị, gia đình... Nhìn nhận và xem xét vấn đề xã hội hiện nay xã hội học đang quan tâm như: mối quan hệ giữa nông thôn – đô thị; hôn nhân – gia đình; dư luận xã hội;... dưới góc nhìn khoa học.	1a

K 4	Có kiến thức và năng lực phát triển chuyên môn, tiếp tục nghiên cứu và học tập nâng cao trình độ	1a
Kĩ năng		
K10	Sử dụng các phương pháp phân tích, chuyển tải thông tin, làm cơ sở cho việc ra quyết định.	10b
K15	Vận dụng được các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, hợp tác, đàm phán trong kinh doanh.	15a
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
K16	Sinh viên tốt nghiệp có trách nhiệm xã hội, có phẩm chất trung thực, chuyên nghiệp, yêu nghề và ý thức tổ chức kỷ luật tốt.	16b

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình kết hợp trình chiếu video
- Thảo luận
- Sinh viên thuyết trình kết hợp giảng viên giải thích

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc tài liệu, phát triển giả thuyết và câu hỏi liên quan
- Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận nhóm
- Sinh viên tự tìm tài liệu, đề tài được giao.
- Sinh viên làm việc nhóm, áp dụng kiến thức được học để hoàn thành bài tập nhóm, bài tập cá nhân
- Sinh viên thuyết trình kết quả thảo luận nhóm, bài tập cá nhân (thông qua đóng vai hoặc trình chiếu power point...)

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:
 - } Đối với giờ lý thuyết: Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số lượng tiết giảng
 - } Đối với giờ thực hành: Sinh viên phải báo cáo tiến độ làm việc mỗi tuần
- Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên phải đọc trước các bài giảng và các tài liệu có liên quan do giảng viên cung cấp, phát triển các giả định và câu hỏi liên quan.
- Thái độ: tích cực tham gia thảo luận, đặt câu hỏi và cầu thị.

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10
2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

Bảng 1. Ma trận đánh giá CDR của học phần

Các CDR của học phần	Chuyên cần	Giữa kỳ	Cuối kỳ
	(20%)	(30%)	50(%)

K1	X	X	X
K2	X	X	X
K3	X	X	X
K4	X	X	X
K10	X	X	X
K15	X	X	X
K16	X	X	X

Bảng 2. Rubric đánh giá học phần

Lưu ý: Học phần giảng dạy có bao nhiêu hình thức đánh giá thì phải có hình thức đánh giá tương ứng

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ (%)	TỐT (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM <4,0
Tham dự các buổi học lý thuyết và thảo luận	80	Tham dự đầy đủ các buổi học lý thuyết và thảo luận	Tham dự chỉ đạt khoảng 70% - 84% các buổi học lý thuyết và thực hành thảo luận	Tham dự chỉ đạt khoảng 50% -60% các buổi học lý thuyết và thực hành thảo luận	Tham dự chỉ đạt khoảng 40% - 50% các buổi học lý thuyết và thực hành thảo luận	Tham dự chỉ đạt khoảng <40% các buổi học lý thuyết và thực hành thảo luận
Thái độ học giờ lý thuyết	20	Tích cực phát biểu xây dựng bài. Xung phong làm bài tập và làm tốt bài tập xung	Tương đối tích cực phát biểu xây dựng và có tinh thần xung phong làm bài tập tuy	Chưa tích cực phát biểu xây dựng và xung phong làm bài tập. Giáo viên chỉ định mới trả lời.	Chưa tích cực phát biểu xây dựng và xung phong làm bài tập. Giáo viên chỉ định mới trả lời.	Chỉ tham dự lớp học nhưng không tham gia phát biểu, xung phong làm bài. Không hiểu bài và

		phong.	nhiên chất lượng câu trả lời chưa cao.		không trả lời được câu hỏi liên quan đến bài cũ. Làm việc riêng trong giờ học.
--	--	--------	---	--	---

Rubric 2: Đánh giá giữa kỳ

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ (%)	TỐT (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM <4,0
Bài thi tự luận	40%	Đáp ứng 85%-100% yêu cầu của bài tự luận.	Đáp ứng 70%-84% yêu cầu của bài tự luận.	Đáp ứng 55%-69% yêu cầu của bài tự luận.	Đáp ứng 40%-54% yêu cầu của bài tự luận.	Đáp ứng <40% yêu cầu của bài tự luận
Trình bày trên lớp (thuyết trình, diễn kịch, ...)	60%	Đáp ứng 85%-100% yêu cầu của bài tập do giáo viên giao.	Đáp ứng 70%-84% yêu cầu của tập do giáo viên giao.	Đáp ứng 55%-69% yêu cầu của bài tập do giáo viên giao.	Đáp ứng 40%-54% yêu cầu của bài tập do giáo viên giao.	Đáp ứng <40% yêu cầu của bài tập do giáo viên giao.

Rubric 3: Đánh giá cuối kỳ (vấn đáp)

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ (%)	TỐT (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM >4,0
Kiến thức	50	Hiểu rõ và trả lời đầy đủ, rõ ràng, thỏa đáng câu hỏi giảng	Trả lời được khoảng 70% về câu hỏi của giảng viên.	Trả lời được khoảng 50% về câu hỏi của giảng viên.	Trả lời được khoảng 30-40% về câu hỏi của giảng viên.	Không trả lời được câu nào

		viên đưa ra				
Kỹ năng	20	Hoạt động tích cực và trả lời câu hỏi lưu loát, vận dụng tốt các kỹ năng được học	Hoạt động khá tích cực và trả lời câu hỏi khá lưu loát, vận dụng tốt các kỹ năng được học	Biết sử dụng kỹ năng thuyết trình nhưng chưa hiệu quả.	Ít sử dụng kỹ năng trong thuyết trình	Chưa biết sử dụng các kỹ năng thuyết trình
Trả lời câu hỏi phụ	20	Có tính thuyết phục, đảm bảo độ tin cậy Kết hợp tốt các kiến thức, kỹ năng và trả lời tốt câu hỏi phụ	Đạt yêu cầu về nội dung	Đạt yêu cầu về nội dung nhưng thiếu logic	Có trả lời nhưng chưa đạt yêu cầu về nội dung	Không trả lời được
Điểm thưởng	10		Biết kết hợp các kiến thức, kỹ năng và trả lời được câu hỏi phụ	Chưa kết hợp nhuần nhuyễn kiến thức và kỹ trong khi trả lời câu hỏi.	Không có điểm thưởng	Không có điểm thưởng

Rubric 4: Đánh giá thực hành

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ (%)	TỐT (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM <4,0
Mức độ hoàn thành	50%	Hoàn thành đầy đủ các bài tập thực hành.	Hoàn thành chỉ trong khoảng 70% - 84% khối	Hoàn thành chỉ trong khoảng 55% - 69% khối	Hoàn thành chỉ trong khoảng 40% - 54% khối	Hoàn thành chỉ dưới 40% khối lượng

			lượng bài tập được giao.	lượng bài tập được giao.	lượng bài tập được giao.	bài tập được giao.
Tham dự các buổi học thực hành	50%	Áp dụng thành thạo các nội dung lý thuyết.	Áp dụng chính xác các nội dung lý thuyết.	Áp dụng được các nội dung lý thuyết.	Chỉ có thể thực hành rập khuôn lại các áp dụng lý thuyết.	Chưa thực hành rập khuôn lại các áp dụng lý thuyết.

Rubric 6: Đánh giá tự luận

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ (%)	TỐT (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM >4,0
Hiểu và vận dụng kiến thức nền của môn để xây dựng hoặc giải quyết chủ đề được giao	40%	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu nghiên cứu	Trình bày gần đầy đủ nội dung yêu cầu nghiên cứu	Trình bày được 1 nửa nội dung nghiên cứu.	Trình bày một phần nội dung nghiên cứu.	Trình bày chỉ một phần nhỏ của nội dung yêu cầu nghiên cứu.

Rubric 9: Đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ (%)	TỐT (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM <4,0
Trả lời câu hỏi (Nhóm)	20%	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng câu hỏi chung về đề tài.	Trả lời được khoảng 70% nội dung câu hỏi chung về đề tài.	Trả lời được khoảng 50% nội dung câu hỏi chung về đề tài.	Trả lời được khoảng 35-40% nội dung câu hỏi chung về đề tài.	Không trả lời được câu nào
Trả lời câu hỏi (Cá)	20%	Nắm vững và trả lời đầy đủ, rõ ràng,	Trả lời được khoảng	Trả lời được khoảng 50% về công việc	Trả lời được khoảng 35-40% về công	Không trả lời được câu nào

nhân)		thỏa đáng về công việc được giao trong nhóm	70% về công việc được giao trong nhóm.	được giao trong nhóm.	việc được giao trong nhóm.	
Hoạt động chung nhóm	10%	Có sự phân công và cộng tác tốt giữa các thành viên trong nhóm.	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng sự phân chia công việc không đều.	Có sự kết hợp của các thành viên, chỉ có một vài thành viên làm và báo cáo.	Không có sự kết hợp của các thành viên, chỉ có một vài thành viên làm và báo cáo.	Các thành viên trong nhóm không hoạt động. Dựa trên tài liệu tham khảo biến tấu thành bài của mình.
Hình thức báo cáo	10%	Cách trình bày báo cáo lồi cuồn, rõ ràng, dễ hiểu. Có phân chia báo cáo giữa các thành viên.	Bài báo cáo khá đầy đủ nhưng không trình bày mạch lạc. Có phân chia báo cáo giữa các thành viên.	Bài báo cáo không đầy đủ, trình bày không rõ ràng. Không phân chia báo cáo giữa các thành viên.	Bài báo cáo sơ sài, không thể hiểu được nội dung. Không phân chia báo cáo giữa các thành viên	Không báo cáo được.

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

Sách giáo trình/Bài giảng: Giáo trình nội bộ *Xã hội học đại cương* – hệ chính quy, Khoa Khoa học Cơ bản, trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.

Tài liệu tham khảo khác:

1. John J. Macionis; Trung tâm dịch thuật thực hiện; Hiệu đính Trần Nhựt Tân, *Xã hội học*, Nhà xuất bản Thống kê, 1987.
2. Đoàn Văn Chúc, *Xã hội học văn hóa*, Nhà xuất bản văn hóa thông tin, năm 1997.
3. Bùi Quang Dũng, *Giáo trình xã hội học nông thôn*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.
4. Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (Đồng chủ biên), Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, Hoàng Bá Thịnh, *Xã hội học*, Nhà xuất bản Thế giới, năm 2008.

5. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2011.

IX. Nội dung chi tiết của học phần :

Nội dung	CDR chi tiết	Hoạt động dạy và học	Hoạt động đánh giá	CDR học phần
<p>Chương 1: ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA XÃ HỘI HỌC</p>	<p>Nội dung của chương gồm 3 phần:</p> <p>1.1. Xã hội học và đối tượng nghiên cứu của xã hội học</p> <p>1.2. Chức năng của xã hội học</p> <p>1.3. Nhiệm vụ của môn xã hội học</p> <p>- Giúp sinh viên phân biệt được khái niệm xã hội, xã hội học.</p> <p>- Phân tích được đối tượng nghiên cứu của xã hội học.</p> <p>- Phân tích được mối quan hệ giữa xã hội học với các khoa học khác.</p> <p>- Trình bày được chức năng và nhiệm vụ của xã hội học.</p>	<p>- Nghe giảng</p> <p>- Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp</p> <p>- Thực hiện bài tập mở rộng.</p>	<p>- R1.</p> <p>- R2.</p> <p>- R3.</p> <p>- R4.</p> <p>- R6.</p> <p>- R9.</p>	<p>K1, K2, K3, K4, K10, K15, K16</p>
<p>Chương 2:</p>	<p>Nội dung của</p>	<p>- Nghe giảng.</p>	<p>- R1.</p>	<p>K1, K2,</p>

<p>QUA NHỆ XÃ HỘI VÀ VAI TRÒ XÃ HỘI</p>	<p>chương gồm 4 phần: 2.1. Hành động xã hội 2.2. Tương tác xã hội 2.3. Quan hệ xã hội 2.4. Vị thế xã hội 2.5. Vai trò xã hội - Giúp sinh viên có được hệ thống các khái niệm cơ bản của ngành xã hội học. - Phân biệt được các khái niệm như: hành động xã hội, tương tác xã hội, quan hệ xã hội, vị thế xã hội, vai trò xã hội. - Vận dụng thực tế bản thân.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp - Tham gia thảo luận nhóm - Tự thực hiện bài tập nhóm, bài tập cá nhân đã được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> - R2. - R3. - R4. - R6. - R9. 	<p>K3, K4, K10, K15, K16</p>
<p>Chương 3: BẤT BÌNH ĐẲNG VÀ PHÂN TẦNG XÃ HỘI</p>	<p>Nội dung của chương gồm 3 phần: 3.1. Bất bình đẳng xã hội 3.2. Phân tầng xã hội 3.3. Di động xã hội - Phân biệt được các khái niệm như: bất</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, thảo luận. - Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp - Tham gia thực hành thảo luận nhóm - Tự thực hiện bài tập nhóm, bài tập cá nhân đã được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> - R1. - R2. - R3. - R4. - R6. - R9. 	<p>K1, K2, K3, K4, K10, K15, K16</p>

	<p>bình đẳng xã hội, phân tầng xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng thực tế liên hệ thực tế ở Việt Nam hiện nay. 			
<p>Chương 4: VĂN HÓA VÀ QUÁ TRÌNH XÃ HỘI HÓA</p>	<p>Nội dung của chương gồm 2 phần:</p> <p>4.1. Văn hóa</p> <p>4.2. Quá trình xã hội hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được các khái niệm như: bất bình đẳng xã hội, phân tầng xã hội - Vận dụng thực tế liên hệ thực tế ở Việt Nam hiện nay. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, thảo luận. - Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp - Tham gia thực hành. - Tự thực hiện bài tập nhóm, bài tập cá nhân đã được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> - R1. - R2. - R3. - R4. - R6. - R9. 	<p>K1, K2, K3, K4, K10, K15, K16</p>
<p>Chương 5: BIẾN ĐỔI XÃ HỘI NÔNG THÔN VÀ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI HIỆN NAY</p>	<p>Nội dung của chương gồm 3 phần:</p> <p>5.1. Một số khái niệm</p> <p>5.2. Biến đổi xã hội nông thôn trong quá trình đổi mới và hội nhập</p> <p>5.3. Chiến lược xây dựng nông thôn mới của Nhà nước Việt Nam hiện nay</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng. - Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp - Tự nghiên cứu các vấn đề liên quan. - Tự thực hiện bài tập nhóm, bài tập cá nhân đã được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> - R1. - R2. - R3. - R4. - R6. - R9. 	<p>K1, K2, K3, K4, K10, K15, K16</p>

IX. Hình thức tổ chức dạy học :

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học (tiết)					Tổng
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Tự học	
Chương 1:	1		1		6	8
Chương 2:	4		2	2	15	23
Chương 3:	3		2	2	15	22
Chương 4:	4		1	2	15	22
Chương 5:	3		1	2	9	15
TỔNG	15		7	8	60	90

Lưu ý: Trong phần thảo luận và thực hành có hệ thống câu hỏi chủ đề cho sinh viên chuẩn bị trước ở nhà.

XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành:
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy chiếu, loa, đài, giấy A0, bút dạ, máy quay phim, máy chụp ảnh.
- Điều kiện khác: Giảng viên có thể linh hoạt sử dụng địa điểm giảng dạy ngoài lớp học (ví dụ: sân trường; thư viện; nhà thi đấu; nhà đa năng; trại thực hành...)

....., ngày tháng năm 2018

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)